

Bản án số: 516/2022/HS-PT

Ngày: 13/12/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán:

ông Lê Phước Thanh

ông Nguyễn Cường

*- Thư ký phiên tòa:* ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 406/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Thị Thu H và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2022/QĐXXPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022.

*- Các bị cáo:*

1. Họ và tên: Lê Thị Thu H, sinh năm 1975 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Phó trưởng Cơ quan tổ chức, Nội vụ thành phố Q (nguyên Cán bộ phòng Lao động, Thương binh & Xã hội thành phố Q); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đ và con bà Trần Thị L; có chồng tên là Trần Đình T và có 02 con, con lớn sinh năm 2007 và con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2019, có mặt tại phiên tòa;

2. Họ và tên: Hà Thị Kim V, sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Cán bộ phòng Lao động, Thương binh & Xã hội thành phố Q; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc T và con bà Lê Thị N; có chồng tên

là Lâm X L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2019 cho đến ngày 09/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

3. Họ và tên: Phạm Viết K, sinh năm 1954 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng Lao động, Thương binh & Xã hội thành phố Q; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm B và con bà Tạ Thị D; có vợ tên là Nguyễn Thị X và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983 và con nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa;

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: tổ 8, phường Nghĩa Chánh, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: nguyên Kế toán trưởng Phòng Lao động, Thương binh & Xã hội thành phố Q; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q K và con bà Bùi Thị N; có chồng tên là Tân Ngọc T và có 02 con, con lớn sinh năm 2001 và con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có đơn xin xét xử vắng mặt;

5. Họ và tên: Lê Thị H M, sinh năm 1974 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Chuyên viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Q (nguyên Kế toán phòng Lao động, Thương binh & Xã hội thành phố Q); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T T và con bà Huỳnh Thị L; có chồng tên là Lê V T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000 và con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa;

6. Họ và tên: Nguyễn Công M, sinh năm 1964 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Chuyên viên phòng Việc làm, An toàn lao động thuộc Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Quảng Ngãi (nguyên Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính); trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và con bà Phạm Thị V; có vợ tên là Lê Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 1991 và con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa;

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo:

Bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu H: Luật sư Trần V N, V phòng Luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

Bào chữa cho các bị cáo Hà Thị Kim V, Nguyễn Công M: Luật sư Phạm Lý H, V phòng luật sư P, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Phòng Lao động Thương binh & Xã hội thành phố Q. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm P, chức vụ - Trưởng phòng Lao động Thương binh & Xã hội thành phố Q; địa chỉ: số nhà 116 Phan Đình Phùng, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1966; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Đoàn Thị Bích D, sinh năm 1966; nơi cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

(trong vụ án còn có một số bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng Tổ chức, Lao động, Thương binh và Xã hội thị xã Q (năm 2005 là thành phố Q) là cơ quan tham mưu chịu sự chỉ đạo toàn diện và trực tiếp của Ủy ban nhân dân thị xã Q và chịu sự chỉ đạo hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi (viết tắt là Sở LĐTBXH), có chức năng giải quyết các chính sách thương binh, liệt sỹ trên địa bàn thành phố Q. Trong đó có việc tiếp nhận phiếu báo tăng, giảm và làm thủ tục chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho thương binh khỏi Cơ quan Nhà nước từ nơi khác chuyển đến địa bàn thành phố Q.

Tháng 6/2002, ông Phạm Viết K - Trưởng phòng phân công bà Nguyễn Thị Phương T phụ trách công tác kế toán, Lê Thị H M làm công tác kế toán (thay bà T nghỉ thai sản từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2003), bà Phan Thị Thanh H làm thủ quỹ, kiêm chi trả trợ cấp ưu đãi cho đối tượng thương binh khỏi cơ quan, bà Lê Thị Thu H làm công tác theo dõi chính sách người có công có nhiệm vụ tiếp nhận phiếu báo quản lý, giấy báo tăng, giảm của đối tượng chính sách từ Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi, cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký tra cứu thương binh, bệnh binh để theo dõi; lập danh sách báo tăng, giảm đối tượng gửi qua bộ phận kế toán để làm thủ tục chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho đối tượng thương binh khỏi Cơ quan trên địa bàn thành phố Q theo quy định của Nhà nước.

Theo quy định thủ tục di chuyển và tiếp nhận đối tượng thương binh được thực hiện như sau: Nơi đi kiểm tra đủ thủ tục, Sở LĐTBXH nơi đi cấp giấy giới thiệu di chuyển và trả trợ cấp, kèm theo toàn bộ hồ sơ đang lưu giữ gửi nơi đến và lập phiếu báo gửi về Bộ. Nơi đến: Sở LĐTBXH nơi đương sự đến tiếp nhận ghi ký hiệu, sổ quản lý địa phương và lưu giữ hồ sơ, đăng ký vào danh sách quản lý đối tượng và thực hiện các chế độ theo quy định. Theo đó sau khi tiếp nhận đối tượng thương binh cơ quan từ nơi khác chuyển đến thị xã Q thì Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận ghi ký hiệu, sổ quản lý và lưu giữ hồ sơ, lập phiếu báo quản lý (giấy báo quản lý) gửi đến Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội (Phòng LĐTBXH) thị xã Q vào Sổ đăng ký tra cứu thương binh, bệnh binh; lập bảng kê đối tượng tăng hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; viết giấy giới thiệu gửi về xã, phường nơi đối tượng thương binh cư trú để quản lý; cấp phát sổ lĩnh tiền hàng tháng và lập danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để chi trả cho đối tượng thương binh.

Từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2003, tuy không có hồ sơ, phiếu báo quản lý của Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi gửi đến Phòng LĐTBXH thị xã Q nhưng Lê Thị Thu H đã kê khai vào Sổ đăng ký tra cứu thương binh, bệnh binh; lập bảng kê đối tượng tăng hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; ghi chèn, ghi xen kẽ vào danh sách chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng (do danh sách đã được đánh máy sẵn nên H phải ghi chèn, ghi xen kẽ) 31 thương binh không có thật và 02 thương binh đã được chuyển về Phòng LĐTBXH huyện S chi trả, sau đó H gửi cho kế toán Nguyễn Thị Phương T và Lê Thị H M để làm thủ tục chi trả trợ cấp ưu đãi cho 33 thương binh không trên. Do thiếu trách nhiệm, không kiểm tra và tin tưởng Lê Thị Thu H nên Nguyễn Thị Phương T và Lê Thị H M không kiểm tra phiếu báo quản lý của những trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ nên đã chấp nhận đưa vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng của Phòng LĐTBXH thị xã Q, làm thủ tục, viết phiếu chi, thanh quyết toán cho 31 thương binh không có thật gồm: Huỳnh Đức T, Nguyễn Đức B, Nguyễn V N, Lê Quang T, Nguyễn V K, Bùi Thị Thu V, Đào Thanh B, Lý Ngọc X, M Thị Thu H, Đặng Chí Q, Nguyễn T C, Trần Thị T, Nguyễn Quang H, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị T N, Đỗ Thanh C, Đặng Thị H, H Thị Mỹ D, H Q V, Nguyễn V T, Nguyễn T C, Phạm M H, Nguyễn Thị L, Nguyễn V T, Nguyễn Thiên V, Nguyễn Đức V, Huỳnh Đức V, Đỗ M K, Trần Duy T, Nguyễn Hồng T, Trịnh Thanh H và 02 thương binh có hồ sơ quản lý là M Thọ Truyền, Trương Ngọc M nhưng hai người này đã chuyển về Phòng LĐTBXH huyện S chi trả.

Kết quả xác minh tại Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi và Cục người có công thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội xác định: trong tổng số 33 đối tượng thương binh do Phòng LĐTBXH thị xã Q chi trả thì có 31 trường hợp không có hồ sơ thương binh (không có con người thật), 02 trường hợp (Trương Ngọc M và M

Thọ Truyền) có hồ sơ quản lý nhưng đã được chuyển đến nhận tiền tại Phòng LĐTBXH huyện S từ tháng 01/2003. Phòng LĐTBXH thành phố Q đã tiến hành chi trả và đề nghị quyết toán cho 33 thương binh trên từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018 với số tiền là **8.447.317.600 đồng** (Tám tỷ bốn trăm bốn bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng), trong đó tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng là 8.039.197.600 đồng; tiền quà tết, lễ 27/7 là 298.230.000 đồng; tiền điều dưỡng các năm 2013, 2015, 2017 là 109.890.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 8.447.317.600 đồng đã chi cho 33 thương binh trên theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và 01 năm đã được Phòng Kế hoạch – Tài chính của Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi thẩm tra, xét duyệt cho quyết toán để làm căn cứ lập dự toán, cấp dự toán chi trả hàng năm từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018 như sau:

- Quý I, II năm 2003, Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi thành lập đoàn quyết toán gồm: Trần N, Trưởng phòng kiêm thẩm kế; Đoàn Thị Bích D, thẩm kế và Lâm T Đ, thẩm kế thực hiện việc quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi người có công, trong đó có quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp cho thương binh khỏi Cơ quan nhà nước tại Phòng LĐTBXH thị xã Q. Với nhiệm vụ Trưởng phòng, Trần N phân công cho bà Đoàn Thị Bích D, Cán bộ thẩm kế thực hiện nhiệm vụ quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng thương binh khỏi Cơ quan nhà nước tại Phòng LĐTBXH thành phố Q, phân công cho ông Lâm T Đ, cán bộ thẩm kế quyết toán chứng từ chi trả nguồn ngân sách địa phương và chi trả cho học sinh, sinh viên, trợ cấp ưu đãi một lần. Khi kiểm tra chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi thương binh khỏi cơ quan Đoàn Thị Bích D phát hiện trong danh sách có nhiều trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ tên của nhiều thương binh bằng bút bi vào giữa các số thứ tự thương binh đã được đánh máy, nhiều chứng từ không có chữ ký của kế toán, cán bộ chi trả là những chứng từ không hợp pháp, hợp lệ không đủ điều kiện quyết toán theo quy định, nếu không chỉnh sửa phải xuất toán. Cuối buổi làm việc Đoàn Thị Bích D báo cáo với Trần N về những trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ trên nhưng Trần N chỉ yêu cầu Nguyễn Thị Phương T, kế toán Phòng LĐTBXH thị xã Q báo cáo, thì được bà T giải trình những trường hợp trên là thương binh về muộn khi danh sách đã được đánh máy nên phải ghi chèn, ghi xen kẽ để chi trả kịp thời. Do tin tưởng Nguyễn Thị Phương T nên Trần N không kiểm tra chứng từ, không kiểm tra phiếu báo quản lý của những trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ, không yêu cầu kiểm tra làm lại chứng từ đúng theo quy định mà đồng ý ký biên bản thẩm tra xét duyệt quyết toán chứng từ chi trả của Phòng LĐTBXH thị xã Q các quý I, II năm 2003, trong đó có tên 22 thương binh không có thật được Lê Thị Thu H ghi chèn, ghi xen kẽ vào danh sách gồm: Huỳnh Đức T, Nguyễn Đức B, Nguyễn V N, Lê Quang T, Nguyễn V K, Bùi Thị Thu V, Đào Thanh B, Lý Ngọc X, M Thị Thu H,

Đặng Chí Q, Nguyễn T C, Trần Thị T, Nguyễn Đức L, Nguyễn Thị T N, Đỗ Thanh C, H Thị Mỹ D, Nguyễn Thiên V, Nguyễn Đức V, Huỳnh Đức V, Trần Duy T, M Thọ Truyền, Trương Ngọc M. Sau khi được Trần N đồng ý xét duyệt cho quyết toán, không loại trừ 22 thương binh trên ngay từ ban đầu nên sau đó danh sách 22 thương binh không có thật này đã được đánh máy vi tính đưa vào danh sách thương binh khối cơ quan, định kỳ hàng tháng Phòng LĐTBXH thị xã Q (sau này là thành phố) làm thủ tục chi trả và Phòng Kế hoạch – Tài chính thẩm tra, xét duyệt quyết toán từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018 với số tiền 5.273.800.600đồng.

- Quý III, IV năm 2003, Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi thành lập đoàn quyết toán gồm: Nguyễn Công M, Phó Trưởng phòng kiêm thẩm kế; Đoàn Thị Bích D, Võ Tiến Công thẩm kế thực hiện việc quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi người có công trong đó có quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp thương binh khối cơ quan nhà nước tại Phòng LĐTBXH thị xã Q. Với nhiệm vụ Phó Trưởng phòng, Nguyễn Công M phân công bà Đoàn Thị Bích D, cán bộ thẩm kế thực hiện nhiệm vụ quyết toán chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng thương binh khối Cơ quan nhà nước tại Phòng LĐTBXH thị xã Q. Phân công ông Võ Tiến Công, cán bộ thẩm kế quyết toán chứng từ chi trả nguồn ngân sách địa phương và chi trả cho học sinh, sinh viên, trợ cấp ưu đãi một lần. Khi kiểm tra chứng từ chi trả trợ cấp ưu đãi thương binh khối cơ quan Đoàn Thị Bích D cũng phát hiện trong danh sách có nhiều trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ tên của nhiều thương binh bằng bút bi vào giữa các số thứ tự thương binh đã được đánh máy, nhiều chứng từ không có chữ ký của kế toán, cán bộ chi trả, chủ tài khoản là những chứng từ không hợp pháp, hợp lệ không đủ điều kiện quyết toán theo quy định phải xuất toán. Cuối buổi làm việc Đoàn Thị Bích D báo cáo với Nguyễn Công M về những trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ trên nhưng do tin tưởng kế toán Nguyễn Thị Phương T báo cáo về các trường hợp này là thương binh về muộn khi danh sách đã được đánh máy nên phải ghi chèn, ghi xen kẽ để chi trả kịp thời và tin tưởng cấp dưới đã kiểm tra chứng từ nên Nguyễn Công M không kiểm tra chứng từ, không kiểm tra các trường hợp ghi chèn, ghi xen kẽ, không yêu cầu làm lại chứng từ đúng theo quy định mà đồng ý ký biên bản thẩm tra xét duyệt quyết toán chứng từ chi trả của Phòng LĐTBXH thị xã Q, trong đó có tên 11 thương binh không có thật được Lê Thị Thu H ghi chèn, ghi xen kẽ vào danh sách gồm: Nguyễn Thị L, Đỗ M K, Nguyễn T C, Phạm M H, Nguyễn Quang H, Nguyễn V T, Đặng Thị H, H Q V, Nguyễn Hồng T, Nguyễn V T, Trịnh Thanh H. Sau khi được Nguyễn Công M đồng ý xét duyệt cho quyết toán, không loại trừ 11 thương binh trên ngay từ ban đầu nên sau đó danh sách 11 thương binh không có thật này đã được đánh máy vi tính đưa vào danh sách thương binh khối cơ quan, định kỳ hàng tháng Phòng LĐTBXH thị

xã Q (nay là thành phố) làm thủ tục chi trả và Phòng Kế hoạch – Tài chính thẩm tra, xét duyệt quyết toán từ tháng 07/2003 đến tháng 12/2018 với số tiền 3.173.517.000đồng.

Kết quả điều tra xác định: Lê Thị Thu H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng của 33 thương binh trên trong thời gian từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018, như sau:

- Từ tháng 01/2003 đến tháng 9/2006, Phan Thị Thanh H được phân công làm cán bộ chi trả. Nhiều đối tượng thương binh khối cơ quan mang sổ lĩnh tiền trợ cấp hàng tháng đến gặp bà Nguyễn Thị Phương T, phụ trách kế toán để bà T kiểm tra ghi tên đối tượng, số tiền vào sổ và cho đối tượng ký vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng (nhiệm vụ cho ký vào sổ là của Phan Thị Thanh H). Sau đó chuyển Sổ lĩnh tiền qua cho Phan Thị Thanh H để tiến hành chi trả. Khi chi trả cho thương binh bà H có ghi tên đối tượng, số tiền đã chi vào tờ giấy A4 để theo dõi, đối chiếu với danh sách do bà Nguyễn Thị Phương T giữ cho đối tượng ký. Khi đối chiếu trùng hợp với số tiền, số người đã chi thì bà H hủy giấy A4 trên. Trong sổ chi trả có 33 thương binh nêu trên cũng được Phan Thị Thanh H chi trả. Tổng số tiền Phan Thị Thanh H đã chi trả cho 33 thương binh không là 581.509.000 đồng.

- Từ tháng 10/2006 đến tháng 9/2007, Phạm Thị M là lao động hợp đồng được Phòng LĐTBXH thành phố Q phân công làm nhiệm vụ chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng người có công. Lê Thị Thu H đã gặp Phạm Thị M nói rằng 33 thương binh trên là người nhà của H và đề nghị Phạm Thị M cho nhận tiền giúp cho họ (thời điểm đó Phạm Thị M không biết 33 thương binh là không có thật). H có hứa sẽ xin việc cho con của Phạm Thị M vào làm việc trong cơ quan nhà nước. Vì tin tưởng Lê Thị Thu H là cán bộ đang làm việc tại Phòng LĐTBXH thành phố Q và tin tưởng 33 thương binh trên là người thân quen của Lê Thị Thu H nên M đồng ý. Hàng tháng Lê Thị Thu H cầm sổ lĩnh tiền đến gặp bà Phạm Thị M và trực tiếp ký giả chữ ký của 33 thương binh không có thật vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để nhận số tiền 283.593.000đồng.

- Từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2008: Đầu tháng 10/2007 bà Phạm Thị M bị bệnh nghỉ việc, Phòng LĐTBXH thành phố Q phân công bà Võ Thị Thắm (lao động hợp đồng) thực hiện chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho thương binh khối cơ quan. Trong khoảng thời gian này, Lê Thị Thu H đến nhà gặp Phạm Thị M nói “Cô ký dùm cháu chữ ký của đối tượng vào danh sách nhận tiền của 33 thương binh vì cháu còn đi làm nên ký không tiện” và Lê Thị Thu H tiếp tục hứa với Phạm Thị M sẽ xin việc cho con ruột và con dâu vào làm việc trong cơ quan nhà nước, đồng thời thường xuyên mang trái cây, đồ ăn cho bà M và mỗi khi bà Phạm Thị M đi khám

bệnh thì Lê Thị Thu H cho tiền từ 200.000đồng đến 500.000đồng (Bà M không nhớ bà H cho mình bao nhiêu tiền).

Vì tin bà H sẽ xin việc cho con và không biết 33 thương binh trên là không có thật mà nghĩ là người nhà của Lê Thị Thu H nên định kỳ hàng tháng Phạm Thị M mang sổ lĩnh tiền đến Phòng LĐTBXH thành phố Q gặp Võ Thị Thắm để nhận tiền trợ cấp. Phạm Thị M nói với Thắm “33 thương binh trên là người quen của M nên M nhận thay”. Do tin tưởng Phạm Thị M và không biết những thương binh trên là không có thật nên Võ Thị Thắm đồng ý cho Phạm Thị M nhận thay. Số tiền Võ Thị Thắm đã chi cho Phạm Thị M từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2008 là 195.357.600 đồng. Khi nhận tiền Phạm Thị M đã ký giả chữ ký của 33 thương binh trên vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng của Phòng LĐTBXH thành phố Q. Nhận tiền xong Phạm Thị M khai đã đưa lại số tiền trên cho Lê Thị Thu H.

- Tháng 5/2008, Hà Thị Kim V là lao động hợp đồng được Phòng LĐTBXH thành phố Q phân công thực hiện nhiệm vụ chi trả tiền trợ cấp cho thương binh. Phạm Thị M đến gặp Hà Thị Kim V để xin nhận tiền thay cho 33 thương binh trên, V hỏi tại sao lại nhận dùm như vậy thì Lê Thị Thu H lúc đó là chuyên viên của Phòng Nội vụ, Lao động Thương binh xã hội thành phố Q đến gặp V nói rằng: “33 thương binh trên là người thân quen của chị em cứ chi cho chị M nhận dùm không sao đâu”. Do tin tưởng Lê Thị Thu H là cán bộ, trước đây có làm công tác giải quyết chính sách người có công cách mạng và không biết 33 thương binh trên là không có thật nên Hà Thị Kim V đã chi trả tiền cho 33 thương binh trên như sau:

+ Từ tháng 5/2008 đến tháng 12/2010 (trừ tháng 10, 11, 12/2009 do ông Đạo chi trả), định kỳ chi trả tiền trợ cấp hàng tháng, Phạm Thị M đến Phòng LĐTBXH thành phố Q gặp Hà Thị Kim V, tại đây Hà Thị Kim V chi tiền cho Phạm Thị M; V đưa danh sách chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho Phạm Thị M ký giả chữ ký của 33 thương binh vào vị trí ký nhận trong danh sách để quyết toán. Số tiền Hà Thị Kim V đã chi cho Phạm Thị M từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2008 là 1.002.539.000 đồng. Nhận tiền xong Phạm Thị M đưa lại số tiền trên cho Lê Thị Thu H.

+ Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2011, do Phạm Thị M bị bệnh phải nằm viện tại thành phố Hồ Chí M không nhận tiền giúp cho Lê Thị Thu H được nên hàng tháng Lê Thị Thu H trực tiếp mang 33 sổ lĩnh tiền ưu đãi đến Phòng LĐTBXH thành phố Q gặp Hà Thị Kim V để nhận tiền. Số tiền Hà Thị Kim V đã chi cho Lê Thị Thu H từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2011 là 514.884.000 đồng. Khi nhận tiền H đã ký giả chữ ký tên 33 thương binh trên vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để quyết toán.

+ Từ tháng 01/2012 đến tháng 6/2018 (trừ tháng 03/2014 đến tháng 8/2014 do bà Trần Thị H Trang chi trả) Lê Thị Thu H cùng Phạm Thị M đến Phòng LĐTBXH



thành phố Q gặp Hà Thị Kim V nói rằng “*Chị còn đương chức nên chị ký nhận tiền của thương binh cũng ngại, 33 thương binh này là người thân, người quen của chị, tiền của 33 thương binh này chị nhận còn người ký là bà Phạm Thị M*”. Do tin tưởng bà Lê Thị Thu H và trước đó đã nhiều lần chi tiền 33 thương binh này cho bà H nên Hà Thị Kim V đồng ý. Hàng tháng Phạm Thị M đến tại Phòng LĐTĐXH thành phố Q ký hoặc Hà Thị Kim V cầm danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng đến nhà bà Phạm Thị M tại 89 Phan Đình Phùng để bà M ký giả chữ ký 33 thương binh không có thật vào danh sách, còn tiền thì V lập một danh sách thương binh gồm có: Số thứ tự, họ tên, số tiền hàng tháng của 33 thương binh trên để đưa cho Lê Thị Thu H nhận với tổng số tiền là 4.728.661.000 đồng.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 6/2018 Hà Thị Kim V đã chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền của 33 thương binh trên với số tiền 6.246.084.000 đồng (1.002.539.000 đồng + 514.884.000 đồng+ 4.728.661.000 đồng). Đồng thời, Hà Thị Kim V còn chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền quà tết, lễ 27/7 số tiền 259.200.000 đồng và tiền điều dưỡng các năm 2013, 2015, 2017 với số tiền 109.890.000 đồng của 33 thương binh nêu trên. Tổng cộng Hà Thị Kim V đã chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền của 33 thương binh trên với số tiền 6.615.174.000 đồng (6.246.084.000 đồng+ 259.200.000 đồng + 109.890.000 đồng).

- Từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2009, do Hà Thị Kim V nghỉ thai sản nên Phan V Đạo cán bộ được Phòng LĐTĐXH thành phố Q phân công chi trả thay. Khi chi trả cho 33 thương binh trên thì không có người đến nhận nên Phan V Đạo đã liên lạc với Hà Thị Kim V thì được V cho biết những đối tượng trên là chỗ quen biết với bà Lê Thị Thu H, Phạm Thị M và hướng dẫn cho Phan V Đạo mang tiền và Danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng đến nhà bà Phạm Thị M tại địa chỉ 89 Phan Đình Phùng, thành phố Q để chi cho Phạm Thị M nhận thay. Số tiền Phan V Đạo đã chi cho Phạm Thị M từ tháng 10/2009 đến tháng 12/2009 là 108.438.000 đồng. Khi nhận tiền M đã ký giả chữ ký tên 33 thương binh trên vào Danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để quyết toán. Nhận tiền xong Phạm Thị M đưa lại số tiền trên cho Lê Thị Thu H.

- Từ tháng 03/2014 đến tháng 8/2014, do Hà Thị Kim V nghỉ thai sản lần 2 nên Trần Thị H Trang là lao động hợp đồng văn thư, thủ quỹ được Phòng LĐTĐXH thành phố Q phân công kiêm nhiệm thêm việc chi trả tiền cho thương binh khối cơ quan. Trước khi nghỉ thai sản Hà Thị Kim V có dẫn Trần Thị H Trang đến nhà của Phạm Thị M để hướng dẫn việc chi trả tiền của 33 thương binh trên, Trần Thị H Trang có hỏi sao lại chi như vậy thì V nói “*Phạm Thị M nguyên là cán bộ chi trả tiền chế độ thương binh của Phòng nên biết 33 đối tượng này để bà M nhận thay, từ trước đến nay em (V) đều vẫn chi trả cho Phạm Thị M*”. Do tin tưởng Hà Thị Kim V

nói những người trên là người thân quen của Lê Thị Thu H và không biết 33 thương binh trên là không có thật nên Trang đã chi tiền, hơn nữa do cùng lúc làm nhiều việc nên Trần Thị H Trang chi trả theo hướng dẫn của V. Định kỳ hàng tháng Trần Thị H Trang cầm Danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng đến nhà Phạm Thị M tại địa chỉ 89 Phan Đình Phùng, thành phố Q để Phạm Thị M ký giả chữ ký của 33 thương binh trên vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng, sau đó Trang đã chi trả cho Phạm Thị M số tiền là 405.384.000 đồng (trong đó tiền trợ cấp ưu đãi 385.584.000 đồng và tiền lễ 27/7: 19.800.000 đồng) để bà M đưa lại số tiền trên cho Lê Thị Thu H.

- Từ tháng 7/2018, thực hiện việc chuyển đổi tượng thương binh khỏi cơ quan nhà nước về xã, phường chi trả, 33 thương binh trên cũng được chuyển về các phường chi trả và Lê Thị Thu H đã nhận tiền của 33 thương binh trên tại các phường như sau:

+ Phường Trần Phú: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q chuyển danh sách 21 thương binh khỏi cơ quan nhà nước về phường Trần Phú để chi trả, trong đó có 9 thương binh không có thật gồm: Nguyễn T C, Nguyễn Quang H, M Thị Thu H, Trịnh Thanh H, Nguyễn T Phát, Nguyễn V T, Huỳnh Đức T, H Q V, Đỗ M K và Nguyễn Thiên V, đến tháng 11/2018 chuyển về thêm 01 thương binh không có thật là Huỳnh Đức V. Tháng 7, 8/2018, Hà Thị Kim V đến gặp Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, cán bộ chi trả của Phường Trần Phú nói rằng những thương binh trên là người thân quen của Lê Thị Thu H, Phó trưởng Cơ quan Nội vụ thành phố Q và xin nhận dùm tiền cho bà H. Do tin tưởng lời V nói và không biết những thương binh trên là không có thật nên Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã đưa danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho V và ông Huy (người đi cùng V) ký vào mục người nhận (không có giấy ủy quyền), Hạnh đã chi cho V số tiền 47.082.000 đồng để V đưa lại cho Lê Thị Thu H.

Đến tháng 9/2018, V thông báo đã đưa lại Sổ nhận tiền của những thương binh trên cho Lê Thị Thu H để H đến gặp Nguyễn Thị Mỹ Hạnh nhận tiền, các tháng 9, 10, 11, 12/2018. Lê Thị Thu H có điện thoại cho Nguyễn Thị Mỹ Hạnh xin nhận tiền của những thương binh trên thì Hạnh đồng ý và có yêu cầu Lê Thị Thu H mang theo giấy ủy quyền có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng H hẹn lần sau sẽ làm giấy ủy quyền, sau đó H trực tiếp đến gặp Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ký nhận vào Danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng và nhận tiền của 10 thương binh không có thật với số tiền 96.304.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã chi cho Lê Thị Thu H nhận của 10 thương binh không có thật là 143.386.000 đồng (47.082.000 đồng + 96.304.000 đồng).

+ Phường Nguyễn Nghiêm: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q có chuyển danh sách 10 thương binh khối cơ quan nhà nước về phường Nguyễn Nghiêm để chi trả, trong đó có 03 thương binh không có thật gồm: Nguyễn Đức L, Nguyễn T C và Nguyễn Thị T N. Khi không liên lạc được với 03 đối tượng trên, Võ Thị M Thân, cán bộ chi trả của phường Nguyễn Nghiêm đã đến gặp Hà Thị Kim V để hỏi thông tin thì được bà V cho biết sẽ điện thoại có người đến nhận nhưng sau đó Hà Thị Kim V đến gặp Võ Thị M Thân xin nhận thay cho 03 thương binh trên, vì tin tưởng bà V là chỗ quen biết và có cầm theo 03 Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng tên Nguyễn Đức L, Nguyễn T C, Nguyễn Thị T N nên Võ M Thân đã cho V ký nhận vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng và nhận số tiền 7.405.000 đồng. Các tháng 8, 9, 10, 11 và 12/2018 V không đến nhận tiền nữa mà Lê Thị Thu H, Phó trưởng Phòng Nội vụ thành phố Q đến gặp bà Thân xin nhận tiền của 03 thương binh trên thì bà Thân có hỏi quan hệ như thế nào và được bà H cho biết có quan hệ bà con. Võ Thị M Thân xin số điện thoại của 03 đối tượng trên thì bà H nói không lưu trong máy điện thoại này để lần sau sẽ cho. Vì tin tưởng bà H là lãnh đạo của Phòng Nội vụ và không biết những người trên là không có thật nên Thân đã cho Lê Thị Thu H ký nhận vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng và nhận số tiền 40.097.000 đồng. Tổng số tiền Võ Thị M Thân đã chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền của 03 thương binh không có thật là 47.502.000 đồng (7.405.000 đồng + 40.097.000 đồng).

+ Phường Nghĩa Chánh: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q chuyển danh sách 12 thương binh khối cơ quan nhà nước về phường Nghĩa Chánh để chi trả, trong đó có 02 thương binh không có thật gồm: Trần Duy T và Nguyễn Hồng T. Khi không xác định được địa chỉ và số điện thoại của 02 đối tượng trên Võ V Quảng, cán bộ chi trả của phường Nghĩa Chánh đã điện thoại cho Hà Thị Kim V thì được bà V cho biết sẽ nhận dùm cho 02 đối tượng trên. Do tin tưởng trước đây Hà Thị Kim V đã chi tiền cho những người này và không biết 02 thương binh trên là không có thật nên Võ V Quảng đồng ý, Hà Thị Kim V cầm sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng của 02 người trên đến ký nhận vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng và nhận số tiền 5.314.000 đồng. Đến tháng 8/2018, Quảng liên lạc với bà V yêu cầu cầm giấy ủy quyền đến nhận tiền cho 02 thương binh trên thì được bà V cho biết 02 thương binh là người thân quen của Lê Thị Thu H hiện là Phó Phòng Nội vụ thành phố Q nên để bà H đến nhận, V cho Võ V Quảng số điện thoại của bà H, Quảng nhiều lần liên lạc nhưng bà H không đến nhận tiền mà thời hạn quyết toán chứng từ đã đến nên Võ V Quảng đã photocopy chứng từ lưu giữ và ký khống chữ ký của 02 đối tượng trên vào danh sách gốc để gửi hồ sơ lên Phòng LĐTBXH thành phố Q tập hợp quyết toán. Đến tháng 12/2018 bà Lê Thị Thu H trực tiếp đến gặp ông Võ V

Quảng xin nhận tiền các tháng 8, 9, 10, 11, 12 năm 2018 của 02 thương binh trên. Do chứng từ gốc các tháng 8, 9, 10/2018 đã gửi lên Phòng LĐTBXH thành phố Q để tập hợp quyết toán nên ông Quảng đã cho bà H trực tiếp viết tên “H” vào danh sách photocopy do ông lưu giữ và H ký vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng bản gốc các tháng 11, 12/2018 để nhận số tiền 30.078.000 đồng. Tổng số tiền Võ V Quảng đã chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền của 02 thương binh không có thật là 35.392.000 đồng (5.314.000 đồng + 30.078.000 đồng).

+ Phường Lê Hồng Phong: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q chuyển danh sách thương binh khối cơ quan nhà nước về phường chi trả, trong đó có 02 thương binh không có thật gồm: Nguyễn Thị L và Lê Quang T. Sau khi không có người đến phường nhận tiền, ông Nguyễn V L mang danh sách cùng tiền của 02 thương binh trên đến Phòng LĐTBXH thành phố Q gặp Hà Thị Kim V, V nói sẽ nhận thay cho 02 thương binh trên thì ông L đồng ý và đưa danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho bà V ký và nhận số tiền 6.020.000 đồng. Sau đó ông Nguyễn V L nghỉ hưu và bàn giao công việc chi trả lại cho ông Phùng Kim A. Đến tháng 8/2018, cũng không có người đến phường nhận tiền, ông Phùng Kim A mang danh sách cùng tiền của 02 thương binh trên đến Phòng LĐTBXH thành phố Q gặp Hà Thị Kim V để hỏi và V nói sẽ nhận thay cho 02 thương binh trên, vì tin tưởng Hà Thị Kim V là người trước đây đã chi tiền cho những thương binh này nên ông A đồng ý cho V ký nhận với số tiền 4.720.000 đồng.

Các tháng 9, 10, 11 và 12/2018, sau khi không có người đến nhận ông Phùng Kim A liên hệ với Hà Thị Kim V thì được V cho biết 02 thương binh trên là người thân quen của Lê Thị Thu H, Phó Trưởng Phòng Nội vụ thành phố Q và cho ông A số điện thoại của bà H. Ông A đã gọi điện thoại cho bà H yêu cầu mang giấy ủy quyền đến nhận tiền nhưng bà H nói bận công việc để cuối năm sẽ nhận một lần. Do tin tưởng bà H là lãnh đạo của Cơ quan Nội vụ thành phố Q và không biết 02 thương binh trên là không có thật nên tháng 12/2018, ông Phùng Kim A trực tiếp gọi điện thoại cho bà H yêu cầu đến nhận tiền nhưng bà H nhờ ông mang dùm đến Thành ủy Quảng Ngãi để bà H nhận. Lúc này danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng đã gửi lên Phòng LĐTBXH thành phố Q để quyết toán nên ông A chỉ mang tiền đến trụ sở Thành ủy Quảng Ngãi giao cho bà H. Tại trụ sở Thành ủy Quảng Ngãi bà H xuất trình 02 sổ lĩnh tiền của Nguyễn Thị L và Lê Quang T để ông A ghi tên và số tiền nhận của 02 đối tượng trên và đưa bà H nhận số tiền 20.844.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn V L và Phùng Kim A đã chi cho Lê Thị Thu H nhận tiền của 02 thương binh trên là 31.582.000 đồng (6.020.000 đồng + 4.720.000 đồng + 20.844.000 đồng).

+ Phường Quảng Phú: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q chuyển danh sách thương binh khối cơ quan nhà nước về phường chi trả, trong đó có 09 thương binh không có thật gồm: Đào Thanh B, Đỗ Thanh C, H Thị Mỹ D, Nguyễn V K, Nguyễn V N, Đặng Chí Q, M Thọ Truyền, Phạm M H, Nguyễn Đức V. Sau khi kiểm tra không xác định được địa chỉ, số điện thoại của 09 thương binh trên nên Lê Hiệp, cán bộ chi trả phường Quảng Phú không tiến hành chi trả mà nộp tiền lại cho ngân sách nhà nước.

+ Phường Chánh Lộ: Tháng 7/2018, Phòng LĐTBXH thành phố Q chuyển danh sách thương binh khối cơ quan nhà nước về phường chi trả, trong đó có 07 thương binh không có thật gồm: Nguyễn Đức B, Bùi Thị Thu V, Lý Ngọc X, Trần Thị T, Đặng Thị H, Nguyễn V T, Trương Ngọc M. Sau khi kiểm tra không xác định được địa chỉ, số điện thoại của 07 thương binh trên nên Lê Thị Bích T, cán bộ chi trả phường Chánh Lộ không tiến hành chi trả mà nộp tiền lại cho ngân sách nhà nước.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Hà Thị Kim V, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Công M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 12/9/2019.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Hà Thị Kim V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/9/2019 cho đến ngày 09/3/2020.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022). Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương T cho Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Chánh, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022). Giao bị

cáo Nguyễn Công M cho Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Về trách nhiệm của các bị cáo Phạm Viết K, Lê Thị H M: căn cứ Điều 125; Điều 157; Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1.5.1. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, đình chỉ một phần vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M.

1.5.2. Hủy bỏ toàn bộ các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24, 26, 30, 31 tháng 8 năm 2022 các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Công M, Hà Thị Kim V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Công M, Hà Thị Kim V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh H trình bày giữ nguyên kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: Kháng cáo và kháng nghị là trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Thu H: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Mức án 18 năm tù là phù hợp, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết mới. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

Đối với kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H đề nghị xem xét lại phần nhận định của bản án: hành vi của Phan Thị Thanh H đã cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Tuy nhiên do thời hiệu xử lý hình sự đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét là có căn cứ, đúng

quy định. Bản án nhận định có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của bị cáo Hà Thị Kim V: hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo V đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 6 tỷ 615 triệu đồng, thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng có khung hình phạt từ 7 đến 12 năm tù. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo 3 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Công M: tại Biên bản thẩm tra quý 3 và quý 4 năm 2003 có chữ ký của Nguyễn Công M; tại bản cung ngày 06/8/2020 đối với bị cáo M; lời khai của Võ Tiến Công ngày 22/6/2020 đều thể hiện vai trò của bị cáo M thiếu trách nhiệm gây ra thiệt hại về tài sản của Nhà nước. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Công M về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ, không oan sai. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo M.

Đối với kháng nghị: giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đề nghị HĐXX chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ngãi tính thời hiệu chịu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phạm Viết K, Lê Thị H M, Nguyễn Công M và Nguyễn Thị Phương T từ tháng 12/2018. Xét xử các bị cáo Phạm Viết K, Lê Thị H M, Nguyễn Công M về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Xét xử bị cáo Lê Thị Thu H về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo K trình bày: mong HĐXX xem xét, vụ án kéo dài là do việc thực hiện chi tài chính không đúng.

Bị cáo M trình bày: bị cáo chỉ là chuyên viên được trưng dụng làm Kế toán trong thời gian bị cáo T nghỉ thai sản. Bị cáo chỉ làm theo những người trước đó. Bị cáo không nắm được các đối tượng hưởng chính sách, bị cáo tin tưởng những người đồng nghiệp nên để xảy ra việc chèn thêm các thương binh không đủ hưởng trợ cấp. Hàng năm có Sở Lao động về kiểm tra cũng không phát hiện được. Việc quy kết bị cáo đến năm 2018 là không phù hợp. Mong HĐXX xem xét.

Luật sư Nành trình bày bản luận cứ: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Thị Thu H cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Việc bị cáo H phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” như cáo trạng truy tố hay phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như án sơ thẩm tuyên xử, luật sư đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét. Đề nghị xem xét số tiền bị cáo H chiếm đoạt không phải là 8.447.317.600 đồng theo cấp sơ thẩm qui kết. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo Lê Thị Thu H thành khẩn khai báo, trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng nhiều Giấy

khen, Bằng khen của Chủ tịch tỉnh, được công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2009; 2013 và bị cáo cũng đã tác động đến gia đình nộp một khoản tiền khắc phục hậu quả. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, cha bị cáo được nhận huy hiệu 50 năm tuổi Đảng. Chồng bị cáo Trần Đình T được tặng Bằng khen của Bộ Công an và Công an tỉnh, được Chủ tịch nước tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc. Sau khi xử sơ thẩm gia đình bị cáo nộp tiếp một khoản tiền tại Thi hành án, do đó đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo H thống nhất quan điểm của luật sư.

Luật sư Hùng trình bày bản luận cứ: Đối với bị cáo M Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo có trách nhiệm trong việc kiểm tra quý 3, quý 4 năm 2003, bị cáo là Trưởng đoàn có nghe chị D báo cáo trong danh sách có việc ghi chèn, nhưng bị cáo không kiểm tra. Trách nhiệm lập danh sách của ai? của bị cáo H hay của bị cáo T. Kiểm tra số liệu báo cáo quyết toán chứ không phải ông M là người có quyền phê duyệt báo cáo quyết toán. Việc quyết toán do phòng lao động gửi dự toán hàng năm lên cho sở để sở tổng hợp gửi đi. Báo cáo quyết toán mỗi quý gửi lên cho sở kiểm tra. Sở chỉ kiểm tra về số liệu, không kiểm tra hồ sơ. Chị D phát hiện ra việc ghi chèn, báo cho ông N, ông M không có ý kiến. Trong vụ án này người chịu trách nhiệm là Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội là người lập hồ sơ, lập danh sách, lập dự toán, lập báo cáo quyết toán. Sở chỉ là người kiểm tra số liệu, không kiểm tra hồ sơ. Trách nhiệm của bị cáo M chỉ trong 02 quý. Hàng năm đều có kiểm tra nhưng cũng không ai phát hiện ra. Việc kết tội đối với bị cáo M là chưa phù hợp. Từ năm 2013 bị cáo M không còn làm việc ở đó nữa, viện kiểm sát quy kết bị cáo đến năm 2018 là không phù hợp. Đề nghị HĐXX xem xét. Đối với bị cáo V: bị cáo đi làm vào năm 2008 lúc đó chưa có quy định nhận thay phải có ủy quyền. Đến năm 2013 mới yêu cầu có giấy ủy quyền. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo V chịu trách nhiệm từ năm 2008 đến năm 2018 là chưa phù hợp. Giấy ủy quyền trong nước chỉ có thời hạn 3 tháng, nước ngoài 06 tháng. Hết 3 tháng không làm giấy mới coi như hết ủy quyền. Trước năm 2013 chưa có quy định về giấy ủy quyền, nên việc buộc bị cáo phải chịu từ năm 2008 là không phù hợp. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V và cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo M, V thống nhất với quan điểm của luật sư.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tranh luận: thời điểm tính thời hiệu xử lý trách nhiệm hình sự là từ năm 2018. Do đó, giữ nguyên quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Ngày 24, 26, 30, 31 tháng 8 năm 2022 các bị cáo Lê Thị Thu H, Nguyễn Công M, Hà Thị Kim V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Thanh H



kháng cáo bản án sơ thẩm. Ngày 31 tháng 8 năm 2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kháng nghị phúc thẩm bản án sơ thẩm. Như vậy kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Phương T.

[2]. Xét kháng cáo, kháng nghị:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã hai lần ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của Đoàn Thị Bích D có hành vi thiếu trách nhiệm khi tham gia duyệt quyết toán tại Phòng LĐTB&XH thành phố Q hay không. Kết quả, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên Kết luận điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vụ án theo quy định là có căn cứ.

[2.1]. Đối với bị cáo Lê Thị Thu H:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2003 đến tháng 12 năm 2003 Lê Thị Thu H được phân công theo dõi chính sách người có công. Có nhiệm vụ tiếp nhận phiếu báo quản lý, giấy báo tăng, báo giảm của đối tượng thương binh từ Sở Lao động Thương binh & Xã hội (Sở LĐTBXH) tỉnh Quảng Ngãi gửi đến. Cập nhật thông tin từ phiếu báo quản lý của Sở LĐTBXH, vào Sổ đăng ký tra cứu thương binh, bệnh binh để theo dõi. L danh sách báo tăng, giảm đối tượng gửi qua bộ phận kế toán để làm thủ tục chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho đối tượng thương binh khỏi cơ quan trên địa bàn thành phố Q. Mặc dù không có hồ sơ, phiếu báo quản lý của Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ngãi gửi đến Phòng LĐTBXH thị xã Q, nhưng Lê Thị Thu H đã ghi vào Sổ đăng ký tra cứu thương binh, bệnh binh; lập bảng kê đối tượng tăng hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; ghi chèn, ghi xen kẽ vào danh sách chi trả tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng 31 thương binh không có thật và 02 thương binh có thật nhưng đã chuyển về Phòng LĐTBXH huyện S chi trả. Số tiền từ ngân sách Nhà nước đã chi trả cho 33 đối tượng thương binh trên từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018 là 8.447.317.600 đồng (tám tỷ bốn trăm bốn bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng).

Căn cứ các Kết luận giám định số 672/KLGD-PC09 ngày 03/8/2021; Kết luận giám định số 46/KLGD-PC09 ngày 09/01/2020 đều thể hiện: tất cả các chữ ký trong danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi năm 2003, 2005 tương ứng với tên các thương binh không có thật đều do bị cáo H ký giả cùng với 116 danh sách bị cáo V lập đưa cho bị cáo H ký vào năm 2018 thể hiện bị cáo H nhận đủ tiền chi trả của 33 thương binh và

21 danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng từ tháng 3/2006 đến tháng 11/2007, từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2011, từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 và 01 danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi một lần tháng 9/2018 thì bị cáo H là người ký giả các chữ ký tương ứng với các thương binh không có thật.

Như vậy có căn cứ để xác định: từ tháng 01/2003 đến 12/2018 Lê Thị Thu H khi thực hiện công việc được phân công đã dùng các thủ đoạn gian dối, cố ý đưa ra các thông tin không đúng sự thật với bộ phận kế toán, người chi trả tiền để chiếm đoạt tài sản là 8.447.317.600 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng tội, phù hợp với khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2.2]. Đối với các bị cáo Phạm Viết K, Lê Thị H M:

[2.2.1]. Cáo trạng số 1837/CT-VKS ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Viết K, Lê Thị H M về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự với nhận định về hành vi:

Phạm Viết K là Trưởng phòng, chủ tài khoản của Phòng LĐTBXH thị xã Q đã thực hiện không đúng trình tự, thủ tục, chức trách, nhiệm vụ được giao; thiếu trách nhiệm, buông lỏng trong công tác kiểm tra, quản lý dẫn đến hậu quả Lê Thị Thu H lập khống danh sách 31 thương binh không có hồ sơ quản lý vào Sổ đăng ký quản lý, tra cứu thương binh và không làm thủ tục giảm 02 thương binh đã chuyển đến nhận trợ cấp tại Phòng LĐTBXH S; lập khống bảng kê đối tượng tăng hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng; ghi chèn, ghi xen kẽ vào danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để Phòng LĐTBXH thị xã Q làm thủ tục chi trả cho 33 thương binh trên. Khi kế toán trình danh sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng để Phạm Viết K ký duyệt, có lúc Phạm Viết K xem nội dung danh sách thấy có nhiều trường hợp được ghi chèn, ghi xen kẽ, không hợp lệ nhưng không kiểm tra, rà soát hoặc có lúc duyệt luôn không xem nội dung danh sách nên đã không phát hiện, loại trừ ngay từ đầu đối với 33 thương binh khống được Lê Thị Thu H ghi chèn vào danh sách dẫn đến việc Phòng LĐTBXH thành phố Q chi trả liên tục từ tháng 01/2003 đến tháng 12/2018 với tổng số tiền là 8.447.317.600 đồng.

Lê Thị H M làm Kế toán thay cho Nguyễn Thị Phương T từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2003. Quá trình làm kế toán Lê Thị H M thiếu trách nhiệm không kiểm tra đối chiếu, tin tưởng Lê Thị Thu H, nên Lê Thị H M đã tham mưu lãnh đạo Phòng LĐTBXH thành phố Q ký duyệt danh sách chi trả tiền trợ cấp cho 11 thương binh không có thật, cấp phát 11 sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng làm cơ sở để cán bộ chi trả

tiền trợ cấp đối với 11 thương binh không từ tháng 07/2003 đến tháng 12/2018 với số tiền 3.173.517.000 đồng.

Phạm Viết K chỉ làm Trưởng phòng LĐTBXH thị xã Q từ 6/2002 đến 10/2005 thì chuyển công tác đến Phòng Tư pháp thị xã Q và Lê Thị H M chỉ làm Kế toán tại Phòng LĐTBXH thị xã Q từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2003 thì chuyển công tác làm Kế toán tại các đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Q. Nhưng Phạm Viết K, Lê Thị H M là người có trách nhiệm trực tiếp tham mưu, ký duyệt danh sách ngay từ ban đầu, dẫn đến việc hình thành một danh sách với 31 thương binh không có thật và 02 thương binh chuyển công tác nơi khác, nên thiệt hại ngân sách Nhà nước trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2018 các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt là 8.447.317.600 đồng.

[2.2.2]. Nhận định, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

*Đối với Phạm Viết K:*

Phạm Viết K làm Trưởng phòng LĐTBXH thị xã Q từ 6/2002 đến 10/2005 thì chuyển công tác đến Phòng Tư pháp thị xã Q. Trong thời gian công tác tại phòng LĐTBXH thị xã Q, Phạm Viết K đã ký duyệt các chứng từ, thủ tục để tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công cách mạng liên quan đến 31 thương binh không có thật và 02 thương binh đã chuyển đến Phòng LĐTBXH huyện S nhận trợ cấp gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 378.646.000 đồng, cụ thể: Năm 2003 ký duyệt chứng từ, thủ tục tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi gây thất thoát số tiền là 84.759.000; năm 2004 ký duyệt chứng từ, thủ tục tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi gây thất thoát số tiền là 122.040.000 đồng; từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2005 ký duyệt chứng từ, thủ tục tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi gây thất thoát số tiền là 170.197.000 đồng.

Đến tháng 10/2005 Phạm Viết K không còn công tác tại phòng LĐTBXH thị xã Q nữa, nên không còn trách nhiệm kiểm tra, giám sát, ký duyệt chứng từ tại phòng LĐTBXH thị xã Q. Ngày 27/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi khởi tố truy cứu trách nhiệm hình sự Phạm Viết K. Hành vi của bị cáo Phạm Viết K gây thất thoát ngân sách Nhà nước từ năm 2003 đến 10/2005 là 378.646.000 đồng đã cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự quy định khung hình phạt “phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm” là tội phạm nghiêm trọng. Điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau: b) Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng”. Như đã nhận định ở trên, hành vi của Phạm Viết K đến tháng 10/2005 đã chấm dứt và thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K là 10 năm tính từ tháng 10/2005 đến tháng 10/2015. Tuy nhiên ngày 27/7/2020 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng

Ngãi mới khởi tố truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K là đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự.

*Đối với Lê Thị H M:*

Quá trình điều tra bổ sung xác định Lê Thị H M làm Kế toán tại Phòng LĐTBXH thị xã Q từ tháng 7/2003 đến tháng 12/2003 thì chấm dứt. Lê Thị H M đã làm thủ tục chứng từ để Thủ quỹ thực hiện việc chi trả cho 11 thương binh không gây thiệt hại của ngân sách Nhà nước số tiền là 52.570.000 đồng đã cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự quy định khung hình phạt “phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm” là tội phạm nghiêm trọng. Như nhận định tương tự đối với Phạm Viết K thì hành vi của Lê Thị H M bắt đầu từ tháng 07/2003 đến thời điểm tháng 12/2003 thì chấm dứt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Thị H M cũng đã hết.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Lê Thị H M, Phạm Viết K đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị H M, Phạm Viết K về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định đình chỉ một phần vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Thị H M, Phạm Viết K. Hủy bỏ toàn bộ các biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo Lê Thị H M và Phạm Viết K.

[2.2.3]. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá về thời điểm bắt đầu và kết thúc hành vi thực hiện tội phạm của Phạm Viết K, Lê Thị H M. Từ đó đối chiếu hậu quả thiệt hại của hành vi phạm tội mà tội phạm cấu thành và thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M đã quyết định đình chỉ một phần vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Thị H M, Phạm Viết K. Hủy bỏ toàn bộ các biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo Lê Thị H M và Phạm Viết K là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. *Đối với Nguyễn Thị Phương T:*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Nguyễn Thị Phương T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự với hậu quả số tiền 5.273.800.600 đồng.

Xét thấy: Nguyễn Thị Phương T làm Kế toán tại Phòng LĐTBXH có trách nhiệm theo dõi lập bảng kê đối tượng tăng, giảm hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng gửi Sở Lao động, Thương binh & Xã hội tỉnh Quảng Ngãi; viết giấy giới thiệu chi trả trợ cấp ưu đãi; quản lý, đề xuất cấp phát Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng, lập danh

sách chi trả trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho người có công với cách mạng. Quá trình điều tra và điều tra bổ sung đã xác định Nguyễn Thị Phương T làm Kế toán tại Phòng LĐTBXH từ tháng 01/2003 đến năm 2009 thì nghỉ và từ tháng 3/2015 đến tháng 5/2015 Nguyễn Thị Phương T làm Phó Trưởng Phòng LĐTBXH thành phố Q trực tiếp duyệt các chứng từ, thủ tục để tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công đã thiếu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ đúng quy định đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

\* Trong giai đoạn làm Kế toán tại Phòng LĐTBXH từ tháng 01/2003 đến năm 2009: tiền trợ cấp duyệt quyết toán từ tháng 1/2003 đến tháng 6/2003 là 32.189.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2004 là 122.040.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2005 là 201.075.000 đồng và tiền Tết là 1.650.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2006 là 224.700.000 đồng và tiền Tết là 1.600.000 đồng, tiền Lễ 27/7 là 1.860.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2007 là 297.504.000 đồng và tiền Tết là 1.980.000 đồng, tiền Lễ 27/7 là 2.310.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2008 là 370.560.600 đồng và tiền Tết là 1.980.000 đồng, tiền Lễ 27/7 là 2.640.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán từ tháng 1/2009 đến tháng 3/2009 là 102.807.000 đồng và tiền Tết là 2.310.000 đồng. Tổng cộng 1.367.205.600 đồng.

\* Trong giai đoạn làm Phó Trưởng Phòng LĐTBXH thành phố Q từ tháng 3/2015 đến tháng 5/2015: Nguyễn Thị Phương T trực tiếp duyệt các chứng từ, thủ tục để tiến hành chi trả trợ cấp ưu đãi cho người có công cách mạng tổng số tiền là 203.072.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo Nguyễn Thị Phương T thiếu trách nhiệm gây ra hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước là 1.570.277.600 đồng và xét xử bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.4]. Đối với bị cáo Hà Thị Kim V:

Hà Thị Kim V được phân công nhiệm vụ chi trả tiền trợ cấp cho thương binh khối Cơ quan tại phòng LĐTBXH thành phố Q từ tháng 5/2008 đến tháng 6/2018 (thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 V nghỉ thai sản). Quá trình chi trả tiền V không biết 31 thương binh là không có thật và 02 thương binh đã chuyển đến nhận trợ cấp tại Phòng LĐTBXH huyện S. Nhưng vì thiếu trách nhiệm, nên khi Lê Thị Thu H, Phạm Thị M nhận thay 33 thương binh giai đoạn trước ngày 01/7/2013 (ngày Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội có hiệu lực thi hành) Hà Thị Kim V chi trả không đúng đối tượng một thời gian dài. Sau ngày 01/7/2013 Hà Thị Kim V không yêu cầu xuất trình giấy ủy quyền theo đúng quy định tại Điều 42 Thông tư số 05/2013/TT-

BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội mà vẫn cho nhận thay. Từ đó Hà Thị Kim V đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 6.615.174.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Hà Thị Kim V về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.5]. Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Công M:

Quá trình điều tra và điều tra bổ sung xác định: Nguyễn Công M thực hiện nhiệm vụ quyết toán tại phòng LĐTBXH thành phố Quảng Ngãi thời gian từ 2003 đến 2013 sai quy định đối với 11 thương binh không có thật, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 1.455.761.000 đồng, cụ thể: tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý III/2003 là 3.852.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý IV/2003 là 10.618.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I, II, III, IV/2004 là 45.840.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I/2005 là 23.334.000 đồng và tiền quà Tết 550.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý IV/2005 là 17.397.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I/2006 là 21.099.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý II/2006 là 21.099.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý III/2006 là 21.099.000 đồng và tiền quà 27/7 là 600.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I/2007 là 21.099.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý II/2007 34.761.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I, II, III, IV/2008 là 139.152.000 đồng, tiền quà Tết 660.000 đồng, tiền quà 27/7 660.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I, II, III, IV/2009 là 160.064.000 đồng, tiền quà Tết 770.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I, II, III, IV/2010 là 162.674.000 đồng, tiền quà Tết 3.300.000 đồng, tiền quà 27/7 2.700.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán quý I, II, III, IV/2011 là 193.358.000 đồng, tiền quà Tết 3.850.000 đồng, tiền quà 27/7 3.850.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2012 là 244.976.000 đồng, tiền quà Tết 4.400.000 đồng, tiền quà 27/7 4.400.000 đồng; tiền trợ cấp duyệt quyết toán năm 2013 là 267.832.000 đồng, tiền quà Tết 5.500.000 đồng, tiền quà 27/7 5.500.000 đồng, tiền điều dưỡng 12.210.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Công M về tội phạm về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.6]. Đối với kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H:

Bản án sơ thẩm nhận định: bà Phan Thị Thanh H làm công tác chi trả trợ cấp ưu đãi từ tháng 01/2003 đến tháng 9/2006 của 31 thương binh không có thật và 02 thương binh đã chuyển đến nhận trợ cấp tại Phòng LĐTBXH huyện S, gây thiệt hại 581.509.000đ là đã cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên đến nay thời hiệu truy cứu trách

nhiệm hình sự đối với bà Phan Thị Thanh H đã hết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H.

[3]. Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Thị Thu H, Hà Thị Kim V, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Công M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan thực hiện chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo và áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Từ đó xử phạt: bị cáo Lê Thị Thu H 18 (mười tám) năm tù; bị cáo Hà Thị Kim V 03 (ba) năm tù; bị cáo Nguyễn Thị Phương T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022); bị cáo Nguyễn Công M 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022) là có căn cứ, thỏa đáng và không nặng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo kháng cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thu H, Hà Thị Kim V, Nguyễn Công M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Lê Thị Thu H, Hà Thị Kim V, Nguyễn Công M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Phương T và không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thu H, Hà Thị Kim V, Nguyễn Công M; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; các bị cáo Hà Thị Kim V, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Công M phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 12/9/2019.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Hà Thị Kim V 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/9/2019 cho đến ngày 09/3/2020.

2.3. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360; điểm b, n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022). Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương T cho Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Chánh, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Công M 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/8/2022). Giao bị cáo Nguyễn Công M cho Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Về trách nhiệm của các bị cáo Phạm Viết K, Lê Thị H M: căn cứ Điều 125; Điều 157; Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

2.5.1. Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, đình chỉ một phần vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M.

2.5.2. Hủy bỏ toàn bộ các biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với Phạm Viết K, Lê Thị H M.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Lê Thị Thu H, Hà Thị Kim V, Nguyễn Công M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.



Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Quốc Cường**